



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



ANNUAL REPORT 2022



TW25

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - UY TÍN LÀ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

- Cung cấp các sản phẩm thuốc phòng bệnh và chữa bệnh với chất lượng và hiệu quả cao cùng chi phí hợp lý đến với cộng đồng;
- Xây dựng hình ảnh là một doanh sản xuất – kinh doanh dược phẩm uy tín, chất lượng và quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường;
- Không ngừng gia tăng giá trị và lợi ích cho cổ đông, khách hàng và người lao động;
- Góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển ngành dược Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

TÂM NHÌN

Thị trường dược phẩm còn nhiều tiềm năng phát triển, nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc y tế của người dân ngày càng cao, ngân sách dành cho y tế của cộng đồng dân cư tăng trưởng cao qua các năm. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành cần cố gắng nhiều hơn nữa trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm dịch vụ...thoả mãn các nhu cầu của khách hàng, riêng Công ty cổ phần Dược phẩm TW25 nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình luôn cải tiến sản phẩm không ngừng, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng, chinh phục khách hàng bằng chất lượng.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Trong đó, dòng sản phẩm uy tín và chất lượng đã được thị trường đánh giá cao như kháng sinh, thuốc giọt.



GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng về thương hiệu và chất lượng sản phẩm:

- » Huân Chương lao động Hạng II và hạng III;
- » Hàng Việt Nam chất lượng cao từ năm 2008;
- » Giải thưởng Sao Vàng đất Việt, Top 200 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2010, 2011 do Hội Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam trao tặng;
- » Top 100 Nhà cung cấp uy tín nhất tại Việt Nam do Bộ Công thương công nhận;
- » Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam do Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam Trao tặng;
- » Cúp vàng sản phẩm thương hiệu Việt;
- » Bằng khen đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động của Bộ y tế;
- » Cúp vàng “Vì sức khỏe người Việt”.

Giải thưởng về môi trường:

- » Công ty là một trong 14 đơn vị của Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu XANH-SẠCH-ĐẸP từ năm 2006;
- » Năm 2006 được giải 3, năm 2008 đạt giải khuyến khích và năm 2010 là một trong Top10 đơn vị có thành tích xuất sắc nhất trong công tác bảo vệ môi trường đạt chứng nhận:
- » “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM phối hợp với Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Năm 2012 Giải nhất “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và
- » Môi trường TP.HCM phối hợp Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Đạt giải “Thương Hiệu Xanh Bền Vững” do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng nhân ngày Môi trường Thế Giới năm 2008, 2009, 2010;
- » Bằng khen vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam 2009 do Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng;
- » Bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc tham gia phong trào trồng cây xanh và hội thi “Môi trường Xanh – Sạch – Đẹp” Thành phố Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng;
- » Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2011 do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trao tặng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (UPHACE) là đơn vị thành viên độc lập trực thuộc Tổng Công ty dược Việt Nam được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/7/2008. Trước khi Cổ phần hóa, tiền thân là sự sát nhập giữa Xí nghiệp Dược phẩm TW21 và Xí nghiệp Dược phẩm TW25. Hoạt động theo cơ chế cổ phần từ ngày 01/7/2007. Bao gồm các Trung tâm, Nhà máy do 02 Xí nghiệp tiếp quản.

- » Trung tâm Quân Dược Viện.
- » Viện bào chế YARON
- » Viện bào chế ALPHA
- » Viện bào chế SIFAP
- » Viện bào chế FARMO
- » Viện bào chế BIOFACM, ZENIT



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25
Tên tiếng Anh	No.25 CENTRAL PHARMACEUTICAL JSC
Tên viết tắt	UPHACE
Mã chứng khoán	UPH
Sàn đăng ký giao dịch	HNX
Biểu tượng của Công ty	
Vốn điều lệ	132.946.410.000 đồng.
Trụ sở chính và nhà máy	448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(84-28) 9414967
Fax	(84-28) 9414975
Email	duocphamt25@uphace.vn
Website	www.uphace.vn
Giấy CNĐKKD:	Số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 /6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 5/7/2022.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- » Sản xuất kinh doanh dược phẩm;
- » Sản xuất thực phẩm BVSK;
- » Sản xuất và mua bán mỹ phẩm;
- » Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không sản xuất tại trụ sở);
- » Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- » Sản xuất và mua bán bao bì bằng giấy, nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- » Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- » Kinh doanh bất động sản...



TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
 Điện thoại: (84-28) 39414 697
 Fax: (84-28) 3941 4975



XUỞNG SẢN XUẤT

Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
 Điện thoại: (84-28) 3940 4969
 Fax : (84-28) 3941 4975

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Hành chính quản trị
- Phòng Kế hoạch cung ứng
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Nghiên cứu phát triển
- Phòng Đảm bảo chất lượng
- Phòng Kiểm nghiệm
- Phòng Cơ điện

Xưởng sản xuất:

- Dây chuyền Non- Betalactamin
- Dây chuyền Betalactamin
- Dây chuyền thuốc giọt
- Dây chuyền bảo vệ sức khỏe
- Dây chuyền mỹ phẩm, Bảo vệ sức khỏe

THÔNGIỆP
CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý vị!

Năm 2022 là năm đánh dấu 49 năm hình thành và phát triển Công ty cũng như đánh dấu mốc 15 năm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Theo đó, bên cạnh những thành tích đạt được thì những khó khăn, thách thức mà Công ty đối diện còn rất nhiều.

Trong năm 2022, sau thời gian ảnh hưởng của dịch cúm Covid - 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong đó có Công ty chúng ta.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kiên quyết, đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết thống nhất một lòng đưa Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của năm 2022.

Thưa quý vị!

Sang năm 2023, tình hình lạm phát của nền kinh tế cũng như diễn biến của cuộc chiến tranh Nga - Ucraina sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nói riêng do đó đòi hỏi Hội đồng Quản trị phải nỗ lực hết mình để tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ mà ĐHQĐ đã giao, trong đó tập trung tái cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động, hệ thống phân phối và danh mục sản phẩm sao cho hiệu quả và đồng thời tìm kiếm đối tác chiến lược có tiềm lực để hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy dược phẩm theo tiêu chuẩn hiện đại.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 sẽ nỗ lực để hoàn thành với mong muốn đưa Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 trở lại vị thế vốn có, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong thời gian qua. Kính mong Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành, gắn bó cùng Công ty trong thời gian tới. Xin kính chúc toàn thể quý vị dồi dào sức khỏe, an khang thịnh vượng, vạn sự như ý.

Trân trọng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐV tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
1	Tổng giá trị tài sản	373.054.851.241	374.683.683.556
2	Tổng doanh thu	166.145.523.926	150.237.444.186
3	Lợi nhuận trước thuế	(7.255.304.394)	1.999.648.913
4	Nộp ngân sách	18.593.476.402	14.800.000.000
5	Tổng quỹ lương	21.263.734.846	25.544.184.852
6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	10.800.000	16.800.000
7	Cổ tức (%)	0%	0%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
1	Cơ cấu tài sản	%	%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	26,66	26,51
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73,34	73,49
2	Cơ cấu vốn	%	%
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	60,38	60,00
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	39,62	40,00
3	Khả năng thanh toán	Lần	Lần
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,29	0,28
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,22	1,23
4	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần	Lần
	- Vòng quay hàng tồn kho	0,67	0,61
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,45	0,40
5	Khả năng sinh lời	%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	(1,94)	0,005
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(4,36)	0,0138
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	(4,90)	0,0139
	- Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	(4,21)	0,013
6	Thu nhập trên cổ phần (VNĐ/CP)	(545)	156



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu vốn điều lệ: Tại thời điểm 31/12/2022:

CHỈ TIÊU	VNĐ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
				TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
Tổng vốn điều lệ	132.946.410.000	100	470	8	462
- Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	115.100.000.000	86,57	2	2	0
- Cổ đông nắm giữ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	9.738.800.000	7,32	2	1	1
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	8.107.610.000	6,098	466	5	461
- Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Trong đó:					
- Vốn Nhà nước	0	0	0	0	0
- Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0

Cổ tức/ Lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:

- Những thay đổi của cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2022: không có.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022:

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện 6 kỳ họp và ban hành 10 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc luôn thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến các thành viên HĐQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát.

Ngày 01/4/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch kinh doanh 2022.

Ngày 06/7/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua thay đổi nhân sự chủ chốt gồm: Miễn nhiệm chức vụ Kế toán Trưởng và Bổ nhiệm Phụ trách kế toán Công ty.

Ngày 12/8/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua đề án phát triển Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.



Ngày 25/10/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc gia hạn thời gian đầu tư dự án nhà máy dược phẩm Công ty tại KCN Tân Phú Trung.



Kết quả đầu tư và thực hiện các dự án :

- Về dự án nhà 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM: Hiện nay Công ty và đối tác tiếp tục phối hợp cùng nhau làm việc với các cơ quan chức năng để xin phép xây dựng dự án.
- Các Khu nhà 41-43 Trần Cao Vân, P.6, Quận 3, TP.HCM: HĐQT đã thông qua việc chọn đơn vị tư vấn pháp lý cũng như gửi Đơn yêu cầu độc lập đến Tòa án nhân dân TP.HCM để bảo vệ các quyền và lợi ích của Công ty.
- Về khu đất 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM: Hội đồng Quản trị nhận định tình hình hợp tác với đối tác là chưa phù hợp cũng như việc đối tác vi phạm cam kết đã ký. Do đó, Hội đồng Quản trị đã thống nhất thanh lý hợp đồng hợp tác.
- Về dự án nhà máy dược phẩm: Dự án đầu tư nhà máy đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên nhiệm kỳ III (2017-2022) thông qua chủ trương. Tuy nhiên, việc đầu tư gặp nhiều khó khăn liên quan đến nguồn vốn, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19... Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022-2027) ngay khi thực hiện nhiệm vụ đã họp bàn và nhận định việc đầu tư trong thời điểm hiện nay sẽ gặp nhiều khó khăn do nguồn tiền đầu tư hiện có của công ty không có, danh mục sản phẩm rất ít và đa số là mặt hàng thông thường bị cạnh tranh, doanh thu và lợi nhuận còn thấp. Do vậy, Hội đồng Quản trị đã đưa ra một số phương án đầu tư để xem xét trên cơ sở nguồn lực hiện có của Công ty và tình hình thị trường ngành dược trong và ngoài nước đồng thời nhất trí trước tiên là gia hạn thời gian đầu tư và tìm kiếm thêm các phương án kế cả phương án hợp tác.

Hoạt động đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ.

Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo. Trong quá trình hoạt động có những khó khăn, vướng mắc phát sinh xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan Ban điều hành đều có sự tham vấn, xin ý kiến của HĐQT do đó đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2022. Cụ thể nhiệm vụ trọng tâm mà Ban điều hành đã thực hiện được trong năm 2022 như sau:

+ Năm 2022 là năm mà nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng vẫn bị tiếp tục bị ảnh hưởng do dịch Covid- 19. Tình hình nền kinh tế sau đại dịch đối diện nhiều thách thức như lạm phát...cũng đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng.

+ Trong bối cảnh đó Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc nguyên vật liệu tăng giá do ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga- Ucraina, Trung Quốc phong tỏa để phòng chống dịch...

+ Kể từ quý 4/2021 và tiếp đến trong năm 2022, Công ty tiếp tục tiến hành tái cơ cấu lại hệ thống bán hàng, tổ chức bộ máy hoạt động các phòng ban, danh mục sản phẩm bám sát với thị trường. Qua đó, kết quả bước đầu đạt được một số thành tựu để làm cơ sở cho HĐQT xây dựng phương hướng hoạt động của các năm sau này.



V/v thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022:

Trong năm 2022 trong quá trình hoạt động, Công ty gặp một số khó khăn xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bằng nỗ lực của mình, HĐQT đã chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau: Tổng doanh thu năm 2022 là 150 tỷ đồng đạt 111% so với kế hoạch (Kế hoạch là 135 tỷ đồng) và đạt 90% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận trước thuế 1,99 tỉ đồng (Kế hoạch là 360 triệu đồng). Thu nhập bình quân của người lao động là 16,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 40% so với năm 2021.



V/v thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT & công bố thông tin:

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế công ty đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư.

Tiếp tục thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS) và (CIMS). Công ty đã triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 96, Quy chế Quản trị Công ty ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Theo tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua về mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 100 triệu đồng/tháng. Cụ thể mức chi trả như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (VNĐ/THÁNG)
1	Chủ tịch HĐQT	6.500.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023



Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023.

Kế hoạch SXKD năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua như sau:

Doanh thu : 140 tỉ đồng;

Lợi nhuận trước thuế : 2 tỷ đồng;

Cổ tức: sẽ xin ý kiến của ĐHCĐ 2024.

Bám sát các chỉ tiêu AOP của Công ty, phòng ban để có những giải pháp phù hợp và kịp thời trong việc đảm bảo hàng hóa cung ứng cho thị trường nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh;

Xét duyệt GMP nhà máy trong năm 2023;

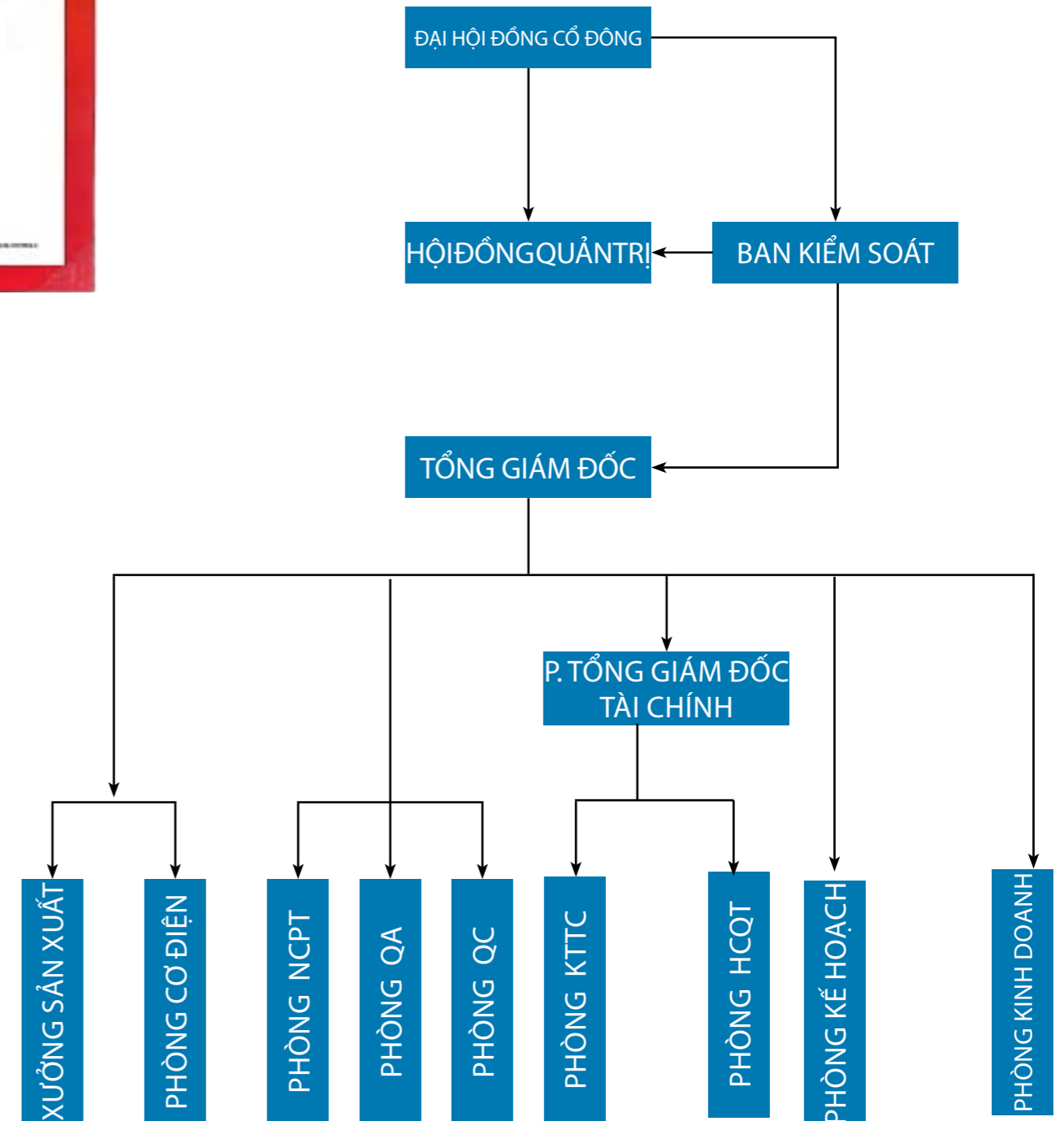
Tăng cường công tác bán hàng phần doanh thu Công ty phụ trách, hỗ trợ và theo dõi doanh thu của nhà phân phối lớn, quản lý chi phí định kỳ hàng tháng/ quý so sánh kế hoạch ngân sách, chế độ báo cáo theo chuẩn quy định kịp thời, nhanh chóng;

Cải tiến quy trình các sản phẩm chủ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng công suất, giảm giá thành;

Đầu tư một số hạng mục về PCCC, Xử lý chất thải và nâng cấp hệ thống nhà xưởng nhằm chuẩn bị cho công tác tái kiểm tra GMP cũng như duy trì hoạt động của nhà máy hiện tại trong khi chờ chủ trương đầu tư nhà máy mới.



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25**



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IV (2022 - 2027)

Chủ tịch HĐQT - Bà Phạm Thị Xuân Hương

Ngày tháng năm sinh : 1965 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Quảng Ngãi
 Điện thoại liên lạc : 0968.368.222
 Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.730.000 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC



Quá trình công tác:

Từ năm 1991-1995 : Công ty Dược Vật tư y tế Lâm Đồng - Phòng Kinh doanh
 Từ năm 1995 – 2004 : Phụ trách phòng Kinh doanh - Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
 Từ năm 2004– 2014 : Phó Tổng Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
 Từ năm 2014 – 2020 : Tổng Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
 Từ 7/2020 - 4/2021 : Chủ tịch HĐQT Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
 Từ năm 7/2021 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Thành viên HĐQT - Bà Phương Thanh Nhung

Ngày sinh : 1980 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0901 868 986
 Trình độ chuyên môn :
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 4.000.000 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Ngân hàng TMCP Việt Á - Phó chủ tịch



Quá trình công tác:

Từ 10/2014 - 09/2015 : Thành viên HĐQT kiêm TGD ngân hàng Việt Á
 Từ 10/2015 - 05/2016 : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ngân hàng Việt Á
 Từ 05/2016 - 4/2018 : Phó Chủ tịch HĐQT ngân hàng Việt Á
 Từ năm 2018– nay : Phó chủ tịch Ngân hàng Việt Á, Phó chủ tịch Bảo hiểm Hùng Vương, Phó chủ tịch Công ty CPDP OPC.

Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Văn Khải

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1970 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/Hộ chiếu : 011469990
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 01 ngách 128/2 Hoàng Văn Thái, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
 Địa chỉ liên lạc : 1906 - CT1-103 Usilk city, KĐT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 0986.066.909
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.780.000 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP



Quá trình công tác:

Từ 2008 - 2010 : Phó phòng tư vấn TCDN - Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
 Từ 2010 - 2011 : Phó phòng tư vấn TCDN - Công ty CP chứng khoán Phố Wall.
 Từ 7/2011 - 11/2011 : Trưởng phòng tư vấn TCDN Công ty CP chứng khoán Phương Nam.
 Từ 11/2011 - 2015 : Kế toán Trưởng Công ty CP Quốc tế Nam Thành.
 Từ 6/2015 - 02/2017 : Chuyên viên Phòng KTTT, Chuyên viên Phòng KHĐT - Tổng Công ty Dược Việt Nam.
 Từ 3/2017 - Nay : Trưởng Ban kiểm soát - Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Thành viên HĐQT - Ông Trần Trí Đức

Ngày sinh : 1988 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Lâm Đồng
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0906660831
 Trình độ chuyên môn : Đại học
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Địa ốc SAM-LAND



Quá trình công tác:

Từ 2017- 2021 : Trưởng phòng hội sở - Công ty CP tập đoàn Đất Xanh
 Từ 2021 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (SAMLAND)

Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Bình Ngọc Khuê

Ngày tháng năm sinh : 1969 Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Gia Lai
 Điện thoại liên lạc : 0903708647
 Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP ĐT và TMDV MeditayGreen

**Quá trình công tác:**

Từ 2013-2014 : Tổng Giám đốc Công ty Dược phẩm AVI
 Hiện nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP ĐT và TMDV MeditayGreen

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**Trưởng Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Thủy**

Ngày tháng năm sinh : 1990 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0979 480 228
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính.
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác:

Từ 01/2013 0 nay : Phòng đầu tư Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
 Từ 12/2021 - nay : Trưởng nhóm kiểm toán nội bộ Công ty CP Dược phẩm OPC

Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thu Thủy

Ngày tháng năm sinh : 1984 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0962 523 668
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính.
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương

Quá trình công tác:

Từ 6/2011 - 8/2013 : Trưởng phòng QHKKH - Ngân hàng Techcombank
 Từ 8/2013-5/2019 : Phó giám đốc khối khách hàng cá nhân và khách hàng chiến lược Ngân hàng Việt Á
 Từ 5/2019 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương

Thành viên Ban kiểm soát - Bà Lê Thị Ánh Nguyệt

Ngày tháng năm sinh : 1976 Giới tính: Nữ
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0903888264
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 13.436 cổ phần
 Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Quá trình công tác:

Từ 2010 - 2016 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Dược phẩm TW25.
 Từ 11/2016 đến nay : Phó Giám đốc Marketing - Công ty CP Dược phẩm OPC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc - Ông Văn Mạnh

Ngày sinh : 13/4/1963 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Nội
CMND/Hộ chiếu : 023090409
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 99 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP.HCM
Địa chỉ liên lạc : 99 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại liên lạc : 0903181963
Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25



Quá trình công tác:

Từ 2000 - 2021 : Giám đốc xưởng Hóa dược 2 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
Từ tháng 10/2021- nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Phó Tổng Giám đốc tài chính - Phụ trách KT - Ông Ngô Tân Long

Ngày sinh : 10/09/1976 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 023090409
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính
Địa chỉ thường trú : 152 Đường 130 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP.HCM
Quê quán : Quảng Bình
Điện thoại : 0983.777.990

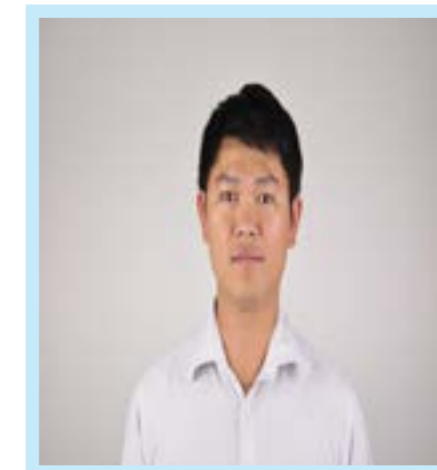


Quá trình công tác:

Từ 2005 - 05/2010 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTy TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương
Từ 04/2011 - 04/2017 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Từ 04/2017 - nay : Phó TGD Tài chính CTy Cổ phần Dược phẩm TW25
Chức vụ hiện nay : Phó TGD Tài chính, Phụ trách kế toán Công ty CPDPTW25.
Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần.
Những người có liên quan : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Kế toán Trưởng – Ông Tống Trần Hiệp (Tính đến ngày 08/7/2022)

Ngày tháng năm sinh : 03/7/1991 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Tĩnh
CMND/Hộ chiếu : 183900054
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh
Điện thoại liên lạc : 0968.368.222
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp.
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần



Quá trình công tác:

Từ 2013 - 2015 : Nhân viên phòng Tài chính - Chi nhánh Viettel Hà Tĩnh - Tập đoàn Viễn thông quân đội.
Từ 2015 - 10/2016 : Nhân viên Phòng KTTC Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
Từ 10/2016 - 4/2017 : Phó phòng KTTC Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
Từ 4/2017 - 6/2022 : Kế Toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.

QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc cũng được tính theo định mức lương mà Công ty đã xây dựng. Cụ thể:

- » Tổng Giám đốc: 60 triệu đồng/tháng
- » Phó Tổng Giám đốc: 35 triệu đồng/tháng.
- » Kế toán Trưởng: 22 - 25 triệu đồng/tháng.



Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

Tình hình lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2022 là 122 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Số lao động đầu	137 người
Lao động tăng	15 người
Lao động Giảm	30 người
Số lao động cuối kỳ	122 người
Trong đó lao động Nữ 78 lao động.	
Lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	77 người
Lao động ký HĐLĐ từ 12-36 tháng	45 người
Lao động trong thời gian thử việc	00 người



Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn

Thạc sĩ (Dược 01)	: 01 người
Đại học (Dược 26)	: 47 người
Cao đẳng (Dược 03)	: 8 người
Trung cấp (Dược 17)	: 24 người
Công nhân kỹ thuật, LDPT	: 42 người

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng
Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiêu chuẩn G.M.P. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động



thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện,...

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải

tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp



luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

**Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/
thành viên Hội đồng thành viên/
Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Ngày 28/5/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV(2022-2027) với các thành viên sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) bao gồm:

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT	
2	Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên HĐQT	
3	Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	
4	Ông Trần Trí Đức	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Bình Ngọc Khuê	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 01/10/2022

Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022– 2027) bao gồm:

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Lê Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thu Thủy	Thành viên BKS



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Đồng Văn Mạnh	Tổng Giám đốc	
2	Ông Ngô Tân Long	Phó Tổng Giám đốc, Phụ trách Kế toán	





TW25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25

Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 39414 697 | Fax: (84-28) 3941 4975

Website: www.uphace.vn

Hotline: **1900.23.23.53**

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 18 ngày 5 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Trí Đức	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Bình Ngọc Khuê	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022 và từ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Chí Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trịnh Việt Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Tống Trần Hiệp	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Trịnh Thị Minh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Lê Thị Ánh Nguyệt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thu Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Tân Long	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Văn Mạnh	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	từ ngày 5 tháng 7 năm 2022
Ông Trịnh Xuân Vương	đến ngày 4 tháng 7 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đông Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Số tham chiếu: 61519112/22633463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		275.350.105.566	273.612.277.454
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	14.944.617.060	18.174.717.915
111	1. Tiền		9.921.603.361	13.174.717.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.023.013.699	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		18.599.021.495	18.469.463.984
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	18.599.021.495	18.469.463.984
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.228.918.210	25.404.903.742
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	40.022.015.579	39.216.496.845
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.531.709.887	3.290.266.387
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.925.462.924	3.961.620.084
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(21.250.270.180)	(21.063.479.574)
140	IV. Hàng tồn kho	9	213.355.703.307	208.080.050.268
141	1. Hàng tồn kho		215.284.067.907	209.128.592.066
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.928.364.600)	(1.048.541.798)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.221.845.494	3.483.141.545
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		87.741.665	6.483.330
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.134.103.829	3.476.658.215
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.333.577.990	99.442.573.787
210	I. Phải thu dài hạn		3.761.660.200	3.761.660.200
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.761.660.200	3.761.660.200
220	II. Tài sản cố định		26.076.207.588	27.240.173.437
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.076.207.588	27.240.173.437
222	Nguyên giá		111.989.308.056	109.823.585.834
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(85.913.100.468)	(82.583.412.397)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		334.130.000	334.130.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(334.130.000)	(334.130.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		17.078.573.366	14.351.485.037
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	17.078.573.366	14.351.485.037
260	IV. Tài sản dài hạn khác		52.417.136.836	54.089.255.113
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	52.205.334.244	53.958.228.538
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	211.802.592	131.026.575
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		374.683.683.556	373.054.851.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		224.812.816.229	225.264.408.844
310	I. Nợ ngắn hạn		223.505.023.536	224.216.463.269
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	5.523.949.896	7.757.315.180
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	209.454.759.310	210.876.616.760
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	267.257.965	246.558.349
314	4. Phải trả người lao động		5.713.491.073	3.304.702.532
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.183.036.875	579.589.612
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.155.122.470	1.147.874.889
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	207.405.947	303.805.947
330	II. Nợ dài hạn		1.307.792.693	1.047.945.575
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	1.059.012.958	655.132.874
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		248.779.735	392.812.701
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.870.867.327	147.790.442.397
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	149.870.867.327	147.790.442.397
411	1. Vốn cổ phần		132.946.410.000	132.946.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		132.946.410.000	132.946.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.589.282.000	17.589.282.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.490.339.501	12.490.339.501
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)		(13.155.164.174)	(15.235.589.104)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(15.235.589.104)	(7.995.798.110)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) trong năm		2.080.424.930	(7.239.790.994)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		374.683.683.556	373.054.851.241



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phụ trách kế toán



Đông Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	158.126.025.654	166.145.523.926
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	7.888.581.468	3.913.857
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	150.237.444.186	166.141.610.069
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	128.737.413.618	146.571.270.277
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.500.030.568	19.570.339.792
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.474.158.091	1.267.308.225
22	7. Chi phí tài chính	21	163.014.512	430.648.082
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		70.242.819	402.652.342
25	8. Chi phí bán hàng	22	4.933.206.195	15.164.276.229
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15.931.147.943	12.236.287.826
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.946.820.009	(6.993.564.120)
31	11. Thu nhập khác		64.328.904	-
32	12. Chi phí khác		11.500.000	261.740.274
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		52.828.904	(261.740.274)
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.999.648.913	(7.255.304.394)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	(80.776.017)	(15.513.400)
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		2.080.424.930	(7.239.790.994)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	156	(545)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	156	(545)

Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phụ trách kế toán

Đông Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lãi (lỗ) kế toán trước thuế		1.999.648.913	(7.255.304.394)
	<i>Điều chỉnh cho:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	23	3.185.655.105	3.273.870.877
03	Các khoản dự phòng		1.560.462.742	202.094.071
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(426.021)	(23.330.924)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(1.292.190.674)	(1.180.121.702)
06	Chi phí lãi vay	21	70.242.819	402.652.342
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.523.392.884	(4.580.139.730)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		331.749.312	(4.641.283.192)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(6.155.475.841)	17.643.259.512
11	Giảm các khoản phải trả		(2.299.276.000)	(3.419.446.075)
12	Giảm chi phí trả trước		1.671.635.959	368.111.313
14	Tiền lãi vay đã trả		(70.242.819)	(402.652.342)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(96.400.000)	(116.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.094.616.505)	4.851.049.486
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(3.272.889.229)	(75.000.000)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(15.129.557.511)	-
24	Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		15.000.000.000	11.865.577.325
27	Tiền lãi nhận được		1.292.190.674	1.171.452.317
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(2.110.256.066)	12.962.029.642
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.896.606.000	12.422.737.500
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.896.606.000)	(20.324.337.500)
36	Cổ tức đã trả	18.4	(25.654.305)	(11.609.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(25.654.305)	(7.913.209.200)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.230.526.876)	9.899.869.928
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.174.717.915	8.251.517.063
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		426.021	23.330.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	14.944.617.060	18.174.717.915



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phụ trách kế toán



Đông Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 18 ngày 5 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 122 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 150 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước, dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi
xuất, kinh doanh dở dang - phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa
trên mức độ hoạt động bình thường theo phương
pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm
Khác	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018 trong thời hạn 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	550.527.215	404.553.224
Tiền gửi ngân hàng	9.371.076.146	12.770.164.691
Các khoản tương đương tiền (*)	5.023.013.699	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	14.944.617.060	18.174.717.915

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn một (1) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5.60%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 9,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	18.255.482.542	22.642.128.227
- Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	12.825.176.072	12.825.176.072
- Khác	5.430.306.470	9.816.952.155
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	<u>21.766.533.037</u>	<u>16.574.368.618</u>
TỔNG CỘNG	40.022.015.579	39.216.496.845
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(17.648.469.382)</u>	<u>(17.461.678.776)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>22.373.546.197</u>	<u>21.754.818.069</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dũng Phát	431.200.000	431.200.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Sagen	254.260.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Misa	141.695.000	141.695.000
Công ty TNHH Cơ khí Kim Nam Thịnh	-	1.354.815.000
Khác	<u>704.554.887</u>	<u>862.556.387</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.531.709.887</u>	<u>3.290.266.387</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.925.462.924	3.961.620.084
Phải thu tiền thuê đất từ Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	3.601.800.798
Tạm ứng cho nhân viên	95.762.307	91.562.352
Khác	1.227.899.819	268.256.934
Dài hạn	3.761.660.200	3.761.660.200
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (*)	3.636.096.600	3.636.096.600
Ký cược, ký quỹ	125.563.600	125.563.600
TỔNG CỘNG	8.687.123.124	7.723.280.284
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(3.601.800.798)	(3.601.800.798)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.085.322.326	4.121.479.486

(*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà được Công ty góp vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 ("Hợp đồng số 24") với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 13.2).

8. NỢ XẤU

	VND		
	Số cuối năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	16.426.976.870	(16.426.976.870)	-
Khác	4.823.293.310	(4.823.293.310)	-
TỔNG CỘNG	21.250.270.180	(21.250.270.180)	-
	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	16.426.976.870	(16.426.976.870)	-
Khác	4.823.293.310	(4.636.502.704)	186.790.606
TỔNG CỘNG	21.250.270.180	(21.063.479.574)	186.790.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa				
bất động sản (*)	160.622.501.912	-	160.622.501.912	-
Nguyên vật liệu	37.884.783.689	(1.928.364.600)	33.692.577.264	(1.048.541.798)
Thành phẩm	14.941.296.568	-	9.345.626.065	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh				
dở dang	1.793.260.107	-	1.969.680.006	-
Hàng hóa	13.532.000	-	119.175.000	-
Công cụ, dụng cụ	28.693.631	-	41.836.488	-
Hàng gửi đi bán	-	-	3.337.195.331	-
TỔNG CỘNG	<u>215.284.067.907</u>	<u>(1.928.364.600)</u>	<u>209.128.592.066</u>	<u>(1.048.541.798)</u>

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nộp cho Chi cục Thuế Quận 1, và Công ty đang trong quá trình chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (*Thuyết minh số 13.2*).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.048.541.798	1.048.541.798
Dự phòng trong kỳ	879.822.802	-
Số cuối năm	<u>1.928.364.600</u>	<u>1.048.541.798</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	38.973.526.498	66.987.388.593	2.713.306.813	1.149.363.930	109.823.585.834
Mua mới	-	2.165.722.222	-	-	2.165.722.222
Phân loại lại	-	387.000.000	-	(387.000.000)	-
Số cuối năm	38.973.526.498	69.540.110.815	2.713.306.813	762.363.930	111.989.308.056
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.622.952.541	47.790.269.146	2.081.615.904	687.025.930	52.181.863.521
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	20.667.084.348	58.523.731.484	2.288.929.859	1.103.666.706	82.583.412.397
Khấu hao trong năm	1.160.335.572	2.019.070.072	137.726.095	12.556.332	3.329.688.071
Phân loại lại	-	367.461.961	-	(367.461.961)	-
Số cuối năm	21.827.419.920	60.910.263.517	2.426.655.954	748.761.077	85.913.100.468
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	18.306.442.150	8.463.657.109	424.376.954	45.697.224	27.240.173.437
Số cuối năm	17.146.106.578	8.629.847.298	286.650.859	13.602.853	26.076.207.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Số cuối năm thể hiện hiện các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thẩm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	51.806.415.322	53.426.336.644
Tiền thuê cửa hàng	398.918.922	531.891.894
TỔNG CỘNG	<u>52.205.334.244</u>	<u>53.958.228.538</u>

(*) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ Hợp đồng Thuê đất số 109/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, Khu B5, Đường D2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m² cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 1 năm 2020) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	5.085.049.896	7.172.115.180
- Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	851.181.615	1.189.440.340
- Công ty TNHH Multipack	817.563.780	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Anpharma	693.000.000	-
- Công ty TNHH SX TM Nhựa Cường Phát Long An	375.721.200	837.343.100
- Công ty TNHH Hóa dược Hoài Phương	-	2.150.715.000
- Khác	2.347.583.301	2.994.616.740
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	438.900.000	585.200.000
TỔNG CỘNG	<u>5.523.949.896</u>	<u>7.757.315.180</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN
(tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i)	178.082.838.961	178.082.838.961
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Kinh Doanh An Phát (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Khác	121.920.349	1.543.777.799
TỔNG CỘNG	<u>209.454.759.310</u>	<u>210.876.616.760</u>

- (i) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (“INDECO”) theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng tọa lạc tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất này. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng này được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty sẽ chuyển nhượng khu đất và cao ốc văn phòng cho INDECO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.
- (ii) Đây là tiền nhận trả trước theo Hợp đồng Chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.
- (iii) Theo Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV ký ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng số 24 là 5.000.000.000 VND. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 24 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát thông qua Thỏa thuận Ký kết số 19/2018-BBTT và Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25-AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	246.558.349	743.047.387	(722.347.771)	267.257.965
Thuế giá trị gia tăng	-	7.917.146.862	(7.917.146.862)	-
Tiền thuế đất	-	11.285.734.569	(11.285.734.569)	-
Thuế khác	-	137.803.150	(137.803.150)	-
TỔNG CỘNG	<u>246.558.349</u>	<u>20.083.731.968</u>	<u>(20.063.032.352)</u>	<u>267.257.965</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoa hồng	384.380.401	552.799.612
Khác	798.656.474	26.790.000
TỔNG CỘNG	<u>1.183.036.875</u>	<u>579.589.612</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhận đặt cọc	420.000.000	420.000.000
Kinh phí công đoàn	243.281.888	256.448.401
Cổ tức phải trả	224.010.934	249.665.239
Khác	267.829.648	221.761.249
TỔNG CỘNG	<u>1.155.122.470</u>	<u>1.147.874.889</u>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG. PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	303.805.947	420.605.947
Sử dụng quỹ trong năm	(96.400.000)	(116.800.000)
Số cuối năm	<u>207.405.947</u>	<u>303.805.947</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	132.946.410.000	17.589.282.000	12.490.339.501	(7.995.798.110)	155.030.233.391
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(7.239.790.994)	(7.239.790.994)
Số cuối năm	<u>132.946.410.000</u>	<u>17.589.282.000</u>	<u>12.490.339.501</u>	<u>(15.235.589.104)</u>	<u>147.790.442.397</u>
Năm nay					
Số đầu năm	132.946.410.000	17.589.282.000	12.490.339.501	(15.235.589.104)	147.790.442.397
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.080.424.930	2.080.424.930
Số cuối năm	<u>132.946.410.000</u>	<u>17.589.282.000</u>	<u>12.490.339.501</u>	<u>(13.155.164.174)</u>	<u>149.870.867.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số đầu năm và số cuối năm</i>		
	<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	7.730.000	77.300.000.000	58.14
Tổng Công ty Dược Việt Nam	3.780.000	37.800.000.000	28.43
Khác	1.784.641	17.846.410.000	13.43
TỔNG CỘNG	13.294.641	132.946.410.000	100.00

18.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.294.641	13.294.641
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.294.641	13.294.641
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.294.641	13.294.641

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.4 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã trả trong năm	25.654.305	11.609.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.080.424.930	(7.239.790.994)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.080.424.930	(7.239.790.994)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	13.294.641	13.294.641
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	156	(545)
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	156	(545)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	158.126.025.654	166.145.523.926
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	156.116.986.256	165.133.785.642
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.009.039.398	1.011.738.284
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.888.581.468)	(3.913.857)
Chiết khấu thương mại	(4.446.197.704)	-
Hàng bán bị trả lại	(3.442.383.764)	(3.913.857)
TỔNG CỘNG	150.237.444.186	166.141.610.069
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	134.517.151.530	70.187.118.859
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	15.720.292.656	95.954.491.210

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.292.190.674	1.180.121.702
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	181.967.417	87.186.523
TỔNG CỘNG	1.474.158.091	1.267.308.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	127.883.681.817	145.851.270.277
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	853.731.801	720.000.000
TỔNG CỘNG	<u>128.737.413.618</u>	<u>146.571.270.277</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	92.771.693	27.995.740
Chi phí lãi vay	70.242.819	402.652.342
TỔNG CỘNG	<u>163.014.512</u>	<u>430.648.082</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	4.933.206.195	15.164.276.229
Chi phí hoa hồng	3.363.527.648	10.215.248.628
Chi phí nhân viên	1.383.702.088	2.365.997.321
Chi phí khác	185.976.459	2.583.030.280
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.931.147.943	12.236.287.826
Chi phí nhân viên	8.509.622.915	6.383.920.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.988.438.148	3.869.942.735
Chi phí khấu hao	148.365.019	195.849.576
Chi phí dự phòng	186.790.606	124.527.071
Chi phí khác	3.097.931.255	1.662.047.880
TỔNG CỘNG	<u>20.864.354.138</u>	<u>27.400.564.055</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	100.699.461.344	119.879.631.036
Chi phí nhân viên	28.342.642.399	24.115.511.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.918.244.148	11.083.567.762
Chi phí hoa hồng	3.363.527.648	10.215.248.628
Chi phí khấu hao	3.185.655.105	3.273.870.877
Chi phí khác	10.174.292.385	5.592.255.851
TỔNG CỘNG	<u>151.683.823.029</u>	<u>174.160.085.568</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(80.776.017)	(15.513.400)
TỔNG CỘNG	(80.776.017)	(15.513.400)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.999.648.913	(7.255.304.394)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	399.929.783	(1.451.060.879)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	502.201.364	431.115.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản lỗ chuyển sang các năm sau	-	1.004.432.191
Lỗ các năm trước chuyển sang	(982.907.164)	-
Chi phí thuế TNDN	(80.776.017)	(15.513.400)

24.2 Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	211.802.592	131.026.575	80.776.017	15.513.400
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	211.802.592	131.026.575		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			80.776.017	15.513.400

24.4. Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 12.739.987.362 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 17.654.523.179 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	VND	
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022</i>
2019	2024	7.646.732.461	(4.914.535.817)	2.732.196.644
2020	2025	4.985.629.762	-	4.985.629.762
2021	2026	5.022.160.956	-	5.022.160.956
		17.654.523.179	(4.914.535.817)	12.739.987.362

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 12.739.987.362 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

		<i>VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	134.517.151.530	-
		Chiết khấu thương mại	4.446.197.704	-
		Hàng bán trả lại	3.442.383.764	-
		Mua nguyên vật liệu	29.510.714	-
		Chi phí thuê quầy tính tiền	28.614.322	478.828.663
		Ký gửi hàng bán	-	28.613.663.859
		Hoa hồng bán hàng	-	2.146.024.790
		Doanh thu bán công cụ, dụng cụ	-	55.464.000
		Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu
		Doanh thu bán hàng	-	41.517.991.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

			VND	
	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Hội đồng Quản trị				
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch	78.000.000	-	
Ông Trịnh Xuân Vương	Nguyên Chủ tịch	20.000.000	49.600.000	
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Chủ tịch	-	45.500.000	
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	28.000.000	-	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	43.000.000	-	
Ông Nguyễn Bình Ngọc Khuê	Thành viên	20.000.000	-	
Ông Trần Trí Đức	Thành viên	28.000.000	-	
Ông Trịnh Việt Tuấn	Nguyên thành viên	20.000.000	1.046.111.065	
Ông Tống Trần Hiệp	Nguyên thành viên	184.922.256	390.736.605	
Ông Trần Anh Vương	Nguyên thành viên	-	37.600.000	
Ban Tổng Giám đốc				
Ông Đồng Văn Mạnh	Tổng Giám đốc	1.110.946.426	145.285.714	
Ông Ngô Tân Long	Phó Tổng Giám đốc	634.244.033	514.933.964	
TỔNG CỘNG		2.167.112.715	2.229.767.348	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Bán hàng	21.766.533.037	16.574.368.618
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty mẹ	Mua hàng	438.900.000	585.200.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn		47.250.000	-
			486.150.000	585.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>370.909.091</u>	<u>1.092.255.461</u>

VND

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản cam kết trị giá 12.525.700.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 12.525.700.000 VND) chủ yếu liên quan đến xây dựng nhà máy phục vụ hoạt động của Công ty.

27. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại USD	<u>593.62</u>	<u>8,602.08</u>

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phụ trách kế toán



Đông Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

